

Bản án số: 127/2026/HS-PT

Ngày: 13 - 5 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đinh Tấn Long**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Ông **Trần Minh Long**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Nguyễn Thành V**, do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thành V** và kháng cáo của nguyên đơn dân sự là **Ủy ban nhân dân xã P** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Nguyễn Thành V**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978; tại: **xã P, thành phố Đà Nẵng (xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cũ)**; giới tính: nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không. Bị cáo con ông **Nguyễn C** (sinh năm 1947) và bà **Nguyễn Thị T** (sinh năm 1957). Bị cáo có vợ tên là **Võ Thị G**, sinh năm 1977 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự có kháng cáo:** **Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng (Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cũ)**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1974; chức vụ: Chuyên viên Trung tâm P, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy uỷ quyền ngày 27/3/2026). Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023, Nguyễn Thành V vào rừng thì phát hiện tại khu vực khoảnh 2, tiểu khu B thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) bị chặt phá trồng cây keo (không xác định được đối tượng, lai lịch). Thấy vậy, V cũng nảy sinh ý định chặt phá rừng cùng trong khoảnh 2, tiểu khu B (diện tích rừng này đã được Nhà nước giao đất cho cha vợ của V là ông Võ Bình S năm 1951, trú thôn A, xã Đ, huyện Đ, đã chết nhằm mục đích khoanh nuôi tái sinh rừng) để trồng keo. Sau đó, hằng ngày, khoảng 05 giờ sáng, V mang theo cưa máy, rựa đi vào khu vực rừng trên để chặt, cưa cây rừng tự nhiên. Mỗi ngày V chặt phá được diện tích khoảng hơn 250 mét vuông. V làm 04 đến 05 ngày thì gom lại đốt và mua keo về trồng. V mua khoảng 5.000 cây keo giống của ông Trần Văn D (sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam cũ) mang lên trồng, mỗi lần V trồng khoảng được 300 cây. Đến ngày 19/9/2023, V cùng vợ là bà Võ Thị G (sinh năm: 1977, trú cùng thôn) đi vào diện tích rừng trên để tiếp tục trồng keo, trong lúc V và G đang trồng keo thì bị tổ công tác UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam phát hiện lập biên bản. Qua công tác khám nghiệm hiện trường xác định, tổng diện tích rừng tự nhiên tại khoảnh 2, tiểu khu B thuộc xã Đ, huyện Đ bị đốt, phá (phát, chặt hạ cây và đốt cháy) trái pháp luật là 9.386 m<sup>2</sup>, cụ thể:

- Diện tích rừng do V khai nhận đốt, phá là 7.681 m<sup>2</sup>, trữ lượng lâm sản bị thiệt hại là 13,485m<sup>3</sup>; số lượng cây bị V chặt phá là 446 cây.

- Diện tích chưa xác định được đối tượng chặt phá: 1.705 m<sup>2</sup>, trữ lượng lâm sản bị thiệt hại là 1,984 m<sup>3</sup>, số lượng cây bị chặt phá là 52 cây. Căn cứ theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Q thì khu vực rừng bị đốt, phá trái pháp luật trên thuộc chức năng rừng sản xuất, hiện trạng Rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh phục hồi (TXP) và R gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo (TXN).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận như sau:

Giá trị gỗ tròn bị thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá 7.681m<sup>2</sup> (446 cây) là: 15.853.883 đồng, thiệt hại về môi trường: 15.853.883 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 31.707.766 đồng.

Giá trị gỗ tròn bị thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá 1.705m<sup>2</sup> (52 cây) là: 2.294.864 đồng, thiệt hại về môi trường: 2.294.864 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 4.589.728 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 cái rựa dài 65cm (lưỡi bằng kim loại dài 30cm; phần cán bằng gỗ dài 35cm, đường kính 02cm) của Nguyễn Thành V.

- 01 máy cưa đã bị tháo rời, không xác định được chủng loại, chỉ còn phần lốc máy, phần lưỡi và dây xích, trong đó phần lưỡi cưa bằng kim loại, dài 70cm, bề rộng nhất 08cm của Nguyễn Thành V.

- 02 USB bên trong có lưu trữ dữ liệu 01 đoạn video ghi hình hiện trường phá rừng vào ngày 23/8/2023 và ngày 19/9/2023.

Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành V phạm tội “Hủy hoại rừng”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thành V và nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng về vấn đề yêu cầu bồi thường thiệt hại. Buộc bị cáo Nguyễn Thành V chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng số tiền 15.853.883 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/12/2025, bị cáo Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/01/2026, nguyên đơn dân sự là UBND xã P, thành phố Đà Nẵng có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo V: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành V về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo V 12 (mười hai) tháng tù là tương xứng với tính chất,

mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù bị cáo nộp một phần tiền bồi thường thiệt hại và tiền án phí nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp, không nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **V**, giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã P về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo **V** phạm tội đã gây thiệt hại về rừng tổng cộng số tiền 31.707.766 đồng, đây là toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước nên thuộc trường hợp không được hoà giải. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo **V** và nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thành V chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng số tiền 15.853.883 đồng là trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự, sửa Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thành V bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 31.707.766 đồng.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt. Nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thành V bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã P số tiền là 31.707.766 đồng

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thành V có đơn kháng cáo, nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã P có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thành V không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất rừng nhưng vì mục đích cá nhân để phát triển kinh tế gia đình, bị cáo đã đến khu vực rừng tự nhiên là rừng sản xuất tại khoảnh 2, tiểu khu B thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là xã P, thành phố Đà Nẵng) để thực hiện hành vi chặt, hạ cây và đốt 7.681m<sup>2</sup> rừng tự nhiên chức năng rừng sản xuất, hiện trạng Rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh phục hồi (TXP) và rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo (theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Q về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

Quảng Nam giai đoạn 2011-2020). Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường theo Kết luận định giá là 31.707.766 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V về tội “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành V và nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã P thì thấy:

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành V: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 12 (mười hai) tháng tù về tội “Huỷ hoại rừng” là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp bồi thường thiệt hại được số tiền 2.000.000 đồng và tiền án phí 993.000 đồng. Xét thấy, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mục đích huỷ hoại rừng là để trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình; tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

- Đối với kháng cáo của nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng: Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội “Huỷ hoại rừng” của bị cáo V đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 31.707.766 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.853.883 đồng, bị cáo đã đồng ý bồi thường số tiền này, Toà án cấp sơ thẩm công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thành V chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng số tiền 15.853.883 đồng. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bồi thường thiệt hại cho Nhà nước thuộc trường hợp không được hoà giải mà phải bồi thường đủ. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo V và nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thành V chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng số tiền 15.853.883 đồng là không phù hợp quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn dân sự kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước là 31.707.766 đồng. Xét thấy, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn dân sự thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, sự thay đổi này là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự, sửa Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, buộc

bị cáo Nguyễn Thành V bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 31.707.766 đồng.

Do bản án sơ thẩm bị sửa về phần trách nhiệm bồi thường dân sự nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thành V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn dân sự kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự để bảo vệ lợi ích của Nhà nước nên thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về hình phạt.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành V 09 (chín) tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về phần trách nhiệm dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành V có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng số tiền 31.707.766 đồng (Ba mươi một triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Bị cáo Nguyễn Thành V phải chịu 1.585.388 đồng (Một triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Đà Nẵng không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành V đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền bồi thường thiệt hại tại Biên lai thu tiền số 0001195 ngày 09/4/2026 và 993.000 đồng (Chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền án phí tại Biên lai thu tiền số 0001194 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2026).

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ THAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 11 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11 – Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Phòng THADS khu vực 11 – Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Tấn Long**